

Bản án số: 64/2025/DS-PT

Ngày: 28 - 04 - 2025

V/v: “Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Tú

Các Thẩm phán: Bà Triệu Thị Luyện

Bà Phạm Thị Chuyên

Thư ký phiên tòa: Nguyễn Ngọc Thương Hiền - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang: Bà Nguyễn Thị Việt Anh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 28/04/2025, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 24/2025/TLPT-DS ngày 17 tháng 02 năm 2025 về việc: “Kiện đòi tài sản là quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 75/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân thị xã Việt Yên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 17/2025/QĐ-PT ngày 03/3/2025; Quyết định hoãn phiên tòa số 45/2025/QĐ-PT ngày 25/3/2025 giữa:

* **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm C, tổ dân phố S, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

* **Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1958 (có mặt)

Địa chỉ: Xóm C, tổ dân phố S, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:**

- Bà Lê Thị T1, sinh năm 1961 (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị H1, sinh năm 1985 (vắng mặt)

- Anh Nguyễn Văn T2, sinh năm 1995 (vắng mặt)

- Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Xóm C, tổ dân phố S, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thị H2, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

- Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn T, xã T, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

- Anh Nguyễn Văn T4, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố S, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

- Ủy ban nhân dân thị xã V, tỉnh Bắc Giang

Địa chỉ trụ sở: Đường H, phường B, thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đại L- Chủ tịch UBND thị xã V (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Thế T5 - Phó phòng Tài nguyên và Môi trường thị xã V (vắng mặt)

- Ngân hàng N3 - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Bắc Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tạ Quang P - Giám đốc chi nhánh (vắng mặt)

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày: Phần diện tích đất 225m² (trong đó bao gồm 150m² đất ở và 75m² đất vườn) thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 8 có địa chỉ tại xóm C, S, N1, V, Bắc Giang (theo bản đồ địa chính xã Q đo đạc năm 2001) nay là thửa số 96+ 97+ 98 tờ bản đồ số 36 (theo bản đồ địa chính thị trấn N đo đạc năm 2015) bà đang đòi ông Nguyễn Văn H có nguồn gốc của bố mẹ bà là cụ Nguyễn Văn P1 (chết năm 1973) và cụ Nguyễn Thị V (chết năm 1978). Sau khi bố mẹ bà chết thì bà là người sở hữu đất này từ sau cải cách ruộng đất vì bà là con gái duy nhất của cụ P1 và cụ V, không có giấy tờ gì về việc bố mẹ bà để lại diện tích đất này cho bà. Tổng diện tích đất mà bố mẹ bà để lại cho bà là 450m² (trong đó bao gồm 300m² đất ở và 150m² đất vườn). Ông H là cháu gọi bà là dì (mẹ ông H là chị em cùng cha khác mẹ với bà T) nên năm 1988 khi ông H xây dựng gia đình thì có ra ở nhờ trên phần đất bà đang khởi kiện đòi lại. Việc bà cho ông H ở nhờ cũng không có giấy tờ gì. Khi ông H xây nhà và công trình phụ trên đất bà có ngăn cản không cho xây nhưng bị ông H nhốt lại nên bà không báo cáo chính quyền địa phương. Phần đất mà ông H chiếm của bà là phần đất có nhà cấp 4 do ông H xây dựng, giáp đất mà hiện nay gia đình bà đang sử dụng. Nhiều lần bà T đã làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng (dưới đây viết tắt là GCN

QSD) đất đối với diện tích đất mà bố mẹ để lại nhưng không làm được vì ông H đã làm thủ tục cấp GCN QSD đất đối với phần diện tích 225m² chiếm của bà và toàn bộ phần đất ông H mua thêm. Nay do ông H không có nghĩa vụ chăm sóc bà khi ốm đau nên bà không cho ông H ở nhờ đất nữa mà khởi kiện yêu cầu ông H trả bà diện tích 225m² (bao gồm 150m² đất ở và 75m² đất vườn) thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 8 có địa chỉ tại xóm C, S, N1, V, Bắc Giang (theo bản đồ địa chính xã Q đo đạc năm 2001) nay là thửa số 96+ 97+ 98 tờ bản đồ số 36 (theo bản đồ địa chính thị trấn N đo đạc năm 2015), phần diện tích giáp đất nhà bà T đang sử dụng (trừ phần đường đi từ thôn vào đến sân nhà ông H). Bà T yêu cầu hủy GCN QSD đất mang tên ông Nguyễn Văn H, số vào sổ CH00430, cấp ngày 25/11/2013. Trường hợp Tòa án buộc ông H phải trả lại đất cho bà thì bà yêu cầu ông H phải tháo dỡ công trình ông H xây dựng để trả lại đất cho bà.

Bà T xác định phần đất ông H lấn chiếm của bà là hình đa giác được đánh số 5- 6- 17- 18 trong sơ đồ đo đạc hiện trạng. Căn cứ khởi kiện của bà T là T6 khai thuê sử dụng đất nông nghiệp và thuế đất ở nông thôn năm 1994 của bà có xác nhận của UBND xã Q.

** Bị đơn là ông Nguyễn Văn H trình bày:* Ông là cháu gọi bà T bằng dì. Năm 1988 ông xây dựng gia đình với bà Lê Thị T1 và ra ở riêng trên thửa đất số 125, tờ bản đồ số 8 có địa chỉ tại xóm C, S, N1, V, Bắc Giang (theo bản đồ địa chính xã Q đo đạc năm 2001) nay là thửa số 96+ 97+ 98 tờ bản đồ số 36 (theo bản đồ địa chính thị trấn N đo đạc năm 2015). Nguồn gốc thửa đất này là của ông bà ngoại của ông là cụ Nguyễn Văn P1 và Nguyễn Thị C để lại. Do ông bà ngoại của ông không có con trai nên trong họ giao cho ông cúng giỗ ông bà ngoại theo phong tục. Khi ông bà ngoại ông còn sống thì giao cho mẹ ông quản lý và sử dụng 180m². Năm 1995 ông mua thêm tiểu ngõ của xóm có giấy tờ viết tay và hình thành nên toàn bộ thửa đất ông đang sử dụng hiện nay. Năm 2001 Nhà nước có chủ trương làm thủ tục cấp GCN QSD đất nên ông đã kê khai và được cấp GCN QSD đất năm 2013. Từ khi ra ở riêng trên đất này đến nay thì ông vẫn là người đóng thuế hàng năm. Trước đây bà T không có ý kiến gì về việc ông sử dụng đất, mấy năm gần đây mới phát sinh tranh chấp.

Gia đình ông có 05 người con là Nguyễn Thị T3, Nguyễn Thị H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Văn T4. Anh T7 đã đi xuất khẩu lao động tại

Malaysia vào ngày 16/5/2018, còn chị H1 đi làm ăn xa từ năm 2008. Hiện ông không biết địa chỉ cụ thể của anh T7 và chị H1 ở đâu nhưng gia đình thì vẫn thường xuyên liên lạc với anh T7 và chị H1 qua điện thoại. Anh T7 và chị H1 là con ông nên có quan điểm đồng nhất với ông. Các văn bản tố tụng Tòa án gửi cho anh T7 và chị H1 ông đều nhận thay và thông báo lại cho anh T7 chị H1 qua điện thoại.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- *Bà Lê Thị T1 trình bày:* Bà kết hôn và chung sống với ông Nguyễn Văn H từ năm 1980. Năm 1988 thì vợ chồng bà chuyển ra sinh sống tại thửa đất mà hiện nay bà T đang có tranh chấp. Nguồn gốc đất là do ông bà ngoại của ông H (cụ Nguyễn Văn P1 chết năm 1972 và cụ Nguyễn Thị C chết năm 1982) để lại cho mẹ chồng bà là Nguyễn Thị G (chết năm 1998). Bà T là con của cụ P1 và cụ Nguyễn Thị V (chết năm nào bà không nhớ). Khi vợ chồng bà ra ở trên đất này thì mẹ chồng bà là cụ G vẫn còn sống và ở cùng cho đến khi chết. Bà T là em gái cùng cha khác mẹ duy nhất của mẹ chồng bà và sống tại mảnh đất sát nhà bà hiện nay. Thửa đất trước đây là do ông bà ngoại chồng bà mua lại của cụ T8 (đã chết nhiều năm nay) và sau này thì chia cho mẹ chồng bà và bà T mỗi người một nửa, chỉ chia bằng miệng, hai bên đều không có giấy tờ gì. Sau khi mẹ chồng bà chết thì vợ chồng vẫn sinh sống xây dựng, sửa sang nhà cửa. Ngoài phần đất mà ông bà ngoại chia cho thì vợ chồng bà còn mua thêm đất của xóm, toàn bộ phần đất mà gia đình bà đang sử dụng đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn H. Bà xác định việc bà T khởi kiện đòi đất của gia đình bà là không có căn cứ vì bà T không có giấy tờ gì chứng minh đó là đất của bà T, bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, nhất trí với quan điểm của chồng bà là ông H trong việc giải quyết vụ án.

- *Chị Nguyễn Thị N, anh Nguyễn Văn T2, chị Nguyễn Thị H2, chị Nguyễn Thị T3 (là các con của ông H) trình bày:* Chị N, anh T2, chị H2, chị T3 xác định không có đóng góp gì trong việc xây dựng, tu tạo tài sản trên thửa đất của ông H. Toàn bộ thửa đất và tài sản trên đất là của ông H và bà T1, không có yêu cầu hay đòi hỏi quyền lợi gì. Nay bà T khởi kiện đòi đất ông H thì không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T, nhất trí với quan điểm của ông H và bà T1 trong việc giải quyết vụ án, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân thị xã V thể hiện quan điểm như sau:

Thửa đất TAND thị xã Việt Yên đang có ý kiến là thửa 125, tờ bản đồ 8, diện tích 425,8m² địa chỉ thửa đất tại thôn S, thị trấn N (nay là tổ dân phố S, phường N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Thửa đất này đã được UBND huyện V (nay là thị xã) cấp GCN QSD đất số vào sổ CH 00430, cấp ngày 25/11/2013 mang tên hộ ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị T1. Nguồn gốc của thửa đất số 125, tờ bản đồ số 8 nêu trên theo hồ sơ cấp GCN QSD đất là đất lịch sử, không có giấy tờ, sử dụng ổn định.

Kiểm tra hồ sơ cấp GCNQSD đất cho thửa đất nêu trên thấy: Đơn đề nghị cấp GCN QSD đất có ký chủ sử dụng đất là ông Nguyễn Văn H, UBND thị trấn Nénh xác nhận vào đơn ngày 09/10/2013; Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất Việt Y xác nhận ngày 01/11/2013 là đúng quy định theo nghị định 43/2014/ND-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư ngày 10/9/2013; Biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất; Trích lục bản đồ địa chính thửa đất.

Trên cơ sở kết quả kiểm tra và xem xét thấy hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn H đối với thửa đất nêu trên là đảm bảo quy định pháp luật.

Đối với Tờ khai thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế đất ở nông thôn của bà Nguyễn Thị T năm 1994: Theo quy định của pháp luật, các loại giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, theo đó đối chiếu với các quy định trên thì “Tờ khai diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế đất ở nông thôn” của bà Nguyễn Thị T năm 1994 được UBND xã Q không làm căn cứ để xác định quyền sử dụng đất.

- Ngân hàng N3 - Chi nhánh thị xã V, tỉnh Bắc Giang trình bày tại Văn bản số 253/NHNo.VYBG-KH: Ngày 21/10/2024 gia đình ông Nguyễn Văn H đã trả hết nợ tại A chi nhánh thị xã V - Phòng G1 và đã rút tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất số CN 014468 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh B cấp ngày 07/5/2018 mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị T1, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã xác minh được như sau:

+ Đối với nhân khẩu hộ gia đình ông Nguyễn Văn H: Tại tờ số 46, quyển số 1 sổ đăng ký hộ khẩu xóm C, S, N1, V, Bắc Giang (không có thời gian lập sổ) thể hiện hộ gia đình ông Nguyễn Văn H là chủ hộ gồm các thành viên: Nguyễn Văn H

sinh năm 1958, Lê Thị T1 sinh năm 1961 (vợ), Nguyễn Thị H1 sinh năm 1985 (con), Nguyễn Thị T3 sinh năm 1987 (con, chuyển đi T, V ngày 04/6/2009), Nguyễn Văn T4 sinh năm 1995 (con), Nguyễn Văn T2 sinh năm 1995 (con, tách hộ ngày 10/5/2018), Nguyễn Thị N sinh năm 1997 (con dâu, tách hộ ngày 10/5/2018), Nguyễn Thị Bảo N2 (cháu, tách hộ ngày 10/5/2018).

+ Xác minh tại UBND phường Nénh: Nguồn gốc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 8 có địa chỉ tại xóm C, S, N1, V, Bắc Giang (theo bản đồ địa chính xã Q đo đạc năm 2001) nay là thửa số 96+ 97+ 98 tờ bản đồ số 36 (theo bản đồ địa chính thị trấn N đo đạc năm 2015) theo hồ sơ cấp GCN QSD đất là đất lịch sử, không có giấy tờ, sử dụng ổn định. Năm 2013 UBND huyện V cấp GCN QSD đất mang tên hộ ông Nguyễn Văn H, số vào sổ CH00430, cấp ngày 25/11/2013. Theo bản đồ địa chính xã Q đo đạc năm 2001 thể hiện chủ sử dụng thửa đất trên là ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị T1. Theo hệ thống bản đồ địa chính hiện UBND phường đang quản lý, khai thác, sử dụng thì bản đồ trên là bản đồ cũ nhất, trong đó thể hiện thửa đất của gia đình ông H có ranh giới riêng biệt với thửa đất gia đình bà T đang sử dụng (thửa số 125, tờ bản đồ số 8 chủ sử dụng là ông B bà B1 là con bà T, nay là thửa đất số 40 tờ bản đồ số 36 chủ sử dụng và bà T). Năm 1994 để thực hiện việc theo dõi thu thuế nông nghiệp và phi nông nghiệp trên địa bàn thì địa phương có yêu cầu công dân kê khai diện tích sử dụng bằng tờ khai. Việc UBND xã Q vào tờ khai không có giá trị trong việc xác nhận quyền sở hữu của công dân vì đó là tự khai.

+ Kết quả trả lời của Phòng X - Công an tỉnh B: Chị Nguyễn Thị H1 không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất, nhập cảnh. Anh Nguyễn Văn T4 xuất cảnh ngày 16/5/2018 qua cửa khẩu sân bay quốc tế N4, đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước.

Bản án dân sự sơ thẩm số: 75/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân huyện Việt Yên (nay là thị xã V) đã căn cứ khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 471, Điều 147, Điều 157, Điều 165 Điều 271, Điều 273, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 50, 136 Luật đất đai năm 2003; Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc kiện đòi 225m² quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn H thuộc thửa đất số 125, tờ bản

đồ số 8 (nay là thửa đất số 96+ 97+ 98, tờ bản đồ số 36) có địa chỉ tại xóm C, tổ dân phố S, phường N, thị xã V, tỉnh Bắc Giang (là hình đa giác 5- 6- 17- 18 trong sơ đồ đo vẽ kèm theo bản án).

Ngoài ra bản án còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/10/2024, bà Nguyễn Thị T nộp đơn kháng cáo bản án.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị T trình bày giữ nguyên kháng cáo, đề nghị HĐXX phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện VKSND tỉnh Bắc Giang phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến khi mở phiên tòa và tại phiên tòa, Thẩm phán, HĐXX, Thư ký đã thực hiện đúng, đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự đã thực hiện đúng các quyền nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 75/2024/DSST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân huyện Việt Yên (nay là thị xã V).

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị T được miễn án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị T, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm việc vắng mặt lần thứ hai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có kháng cáo. HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự tiếp tục xét xử vụ án.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thu H3, HĐXX thấy:

Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp bà T và ông H3 đều khai là của cụ Nguyễn Văn P1 và cụ Nguyễn Thị V, đất không có giấy tờ, không có tài sản trên

đất. Bà T là con gái của cụ P1 cụ V còn ông H3 là cháu ngoại (mẹ ông H3 là chị em cùng cha khác mẹ với bà T). Cụ P1 và cụ V chết không để lại di chúc về di sản.

Năm 1988, ông H3 và vợ là bà T1 ra ở trên diện tích đất 225m², trong thời gian sinh sống trên thửa đất ông H3 và bà T1 cùng nhau tôn tạo, xây dựng công trình trên đất và mua thêm diện tích đất của thôn, quá trình sử dụng đất không xảy ra tranh chấp với ai và thực hiện đóng thuế hàng năm. Sau đó đến năm 2013, ông H3 đi kê khai và được cấp giấy chứng nhận QSD đất mang tên ông Nguyễn Văn H và bà Lê Thị T1 thửa đất số 125, tờ bản đồ số 8, diện tích 425,8m² địa chỉ thửa đất tại thôn S, thị trấn N (nay là tổ dân phố S, phường N, thị xã V), tỉnh Bắc Giang. Nguồn gốc của thửa đất là đất lịch sử, không có giấy tờ, sử dụng ổn định. Hồ sơ cấp GCN QSD đất cho hộ ông Nguyễn Văn H đối với thửa đất trên là đảm bảo quy định pháp luật. Theo hệ thống bản đồ địa chính hiện UBND phường N đang quản lý, khai thác, sử dụng thể hiện thửa đất của gia đình ông H có ranh giới riêng biệt với thửa đất gia đình bà T đang sử dụng.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T không yêu cầu thẩm định, đo vẽ lại diện tích đất tranh chấp và không bổ sung tài liệu chứng gì khác để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Căn cứ khởi kiện của bà T yêu cầu ông H trả lại diện tích đất 225m² (trong đó bao gồm 150m² đất ở và 75m² đất vườn) thuộc thửa đất số 125, tờ bản đồ số 8 có địa chỉ tại xóm C, S, N1, V, Bắc Giang (theo bản đồ địa chính xã Q đo đạc năm 2001) nay là thửa số 96+ 97+ 98 tờ bản đồ số 36 (theo bản đồ địa chính thị trấn N đo đạc năm 2015) là Tờ khai diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế đất ở nông thôn năm 1994, được UBND xã Q. Theo quy định của pháp luật, các loại giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất được quy định tại khoản 1, 2 và 5 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, đối chiếu với các quy định của pháp luật thì “Tờ khai diện tích tính thuế sử dụng đất nông nghiệp và thuế đất ở nông thôn” của bà Nguyễn Thị T năm 1994 được UBND xã Q không phải căn cứ để xác định quyền sử dụng đất.

[3]. Xét kháng cáo của bà T, HĐXX thấy: Như đã phân tích ở trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của bà T. Cần giữ nguyên bản án sơ thẩm của TAND thị xã Việt Yên theo như đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang.

[4] Tòa án sơ thẩm có một số thiếu sót, vi phạm tố tụng như xác minh thông tin xuất nhập cảnh của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn

T4 và chị Nguyễn Thị H1, được biết chị H1 không có thông tin cấp hộ chiếu và xuất nhập cảnh; anh Nguyễn Văn T4 đã xuất cảnh qua cửa khẩu Sân bay quốc tế N4 ngày 16/5/2028 đến nay chưa có thông tin nhập cảnh về nước, thì thời hạn kháng cáo của anh T4 là 01 tháng kể từ ngày tuyên án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự. Toà án sơ thẩm chỉ giao bản án cho ông H nhận thay và cam kết giao lại cho anh T4 là chưa đúng theo quy định, vi phạm này không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án. Toà án sơ thẩm cần rút kinh nghiệm trong việc tổng đạt văn bản tố tụng cho đương sự.

[5]. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi được miễn án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 75/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân thị xã Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị T là người cao tuổi được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- TAND, VKSND thị xã Việt Yên;
- Chi cục THADS thị xã Việt Yên;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VPHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Văn Tú